

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày: 17 – 5 – 2024
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Thủy;
- Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 26/3/2024, 17/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44A/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số: 167/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Bùi Phước T, sinh năm 1988.

HKTT: Ấp 3, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Ấp BTh, xã BTha, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Mai L trình bày:

Vào ngày 07/4/2022, anh Bùi Phước T có vay của chị Nguyễn Thị Mai L số tiền vốn gốc là 17.500.000 (Mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, mỗi tháng trả lãi một lần vào ngày 23 tây hàng tháng, thời hạn vay 01 năm là đến ngày 07/4/2023 thì kết thúc. Từ ngày vay tiền đến nay, anh T chỉ thực hiện trả lãi cho chị L vào ngày 07/7/2022 với số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng. Việc vay tiền có làm hợp đồng và biên nhận ngày 07/4/2022.

Theo đơn khởi kiện, chị L yêu cầu anh T trả tiền vay gốc là 17.500.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 07/7/2022 đến ngày 07/9/2023 là 4.067.000 đồng, tổng cộng 21.567.000 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi đến khi giải quyết xong.

Tại phiên hòa giải, chị L rút một phần yêu cầu về yêu cầu anh T trả lãi đến khi giải quyết xong, chỉ yêu cầu anh T trả tiền vốn vay là 17.500.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 07/7/2022 đến ngày 27/12/2023 là 5.112.000 đồng, tổng cộng là 22.612.000 đồng.

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Bùi Phước T trình bày:*

Trước ngày 07/4/2022 khoảng 01 năm là năm 2021, nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân và sinh hoạt trong gia đình anh Bùi Phước T có vay tiền của chị Nguyễn Thị Mai L 02 lần, gồm:

- Lần 1, không nhớ thời gian cụ thể, số tiền vay là 10.000.000 (Mười triệu) đồng, thỏa thuận trả lãi 1.000.000 đồng là 5.000 đồng/ngày, 10.000.000 đồng là 50.000 đồng/ngày, trong thời hạn 01 năm anh T đã trả vốn và lãi cho chị L xong.

- Lần 2, sau khi thanh toán xong tiền vay của lần 1, vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2021, anh T tiếp tục vay của chị L số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng, thỏa thuận tiền vay 1.000.000 đồng là trả lãi 5.000 đồng/ngày, 10.000.000 đồng là 50.000 đồng/ngày. Anh T trả lãi cho chị L thành nhiều lần được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 4.500.000 đồng thông qua chuyển khoản và 01 lần giao trực tiếp cho chị L số tiền 500.000 đồng, trả lãi cho tháng nào anh T không nhớ. Do gặp khó khăn, anh T không tiếp tục trả lãi cho chị L 05 tháng tiền lãi là 7.500.000 đồng. Sau đó, chị L tính anh T không thực hiện trả 05 tháng tiền lãi với số tiền là 7.500.000 đồng, cộng với nợ gốc 10.000.000 là 17.500.000 đồng, chị L làm hợp đồng vay tiền và biên nhận đề ngày 07/4/2022 với số tiền vay là 17.500.000 đồng buộc anh T ký tên vì nếu không ký chị L sẽ gửi truyền đơn và thuê người đến nhà anh T lấy nợ. Vì trách nhiệm trả nợ và bảo vệ uy tín gia đình nên anh T đồng ý ký tên vào giấy nợ số tiền 17.500.000 đồng tại hợp đồng vay tiền và biên nhận ngày 07/4/2022. Từ ngày làm giấy vay tiền đến nay, anh T không trả cho chị L khoản tiền nào. Mặt khác, chữ ký của anh T là ký sau chữ viết của chị L ghi tại hợp đồng vay và biên nhận ngày 07/4/2022, ghi sau thời gian bao lâu anh T không biết, anh T cũng không biết ngày làm giấy là ngày nào, anh T không xác định được có phải là ngày 07/4/2022 hay không, đồng thời anh T yêu cầu giám định chữ ký của anh T với chữ viết của chị L là không cùng một thời gian để xác định hợp đồng vay và biên nhận ngày 07/4/2022 không phải là chứng cứ hợp pháp và anh T không có vay của chị L số tiền 17.500.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, anh T đồng ý trả cho chị L tiền vay còn nợ là 17.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh T chỉ đồng ý trả cho chị L tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật nếu kết quả giám định chữ viết của chị L và chữ ký của anh T tại hợp đồng vay tiền và biên nhận ngày 07/4/2022 là cùng một thời gian.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Phước T có địa chỉ tại xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất ngày 26/3/2024, chị L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T có mặt tại phiên tòa, Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai ngày 17/5/2024, chị L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L vào ngày 26/3/2024, và tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T vào ngày 17/5/2024 theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị L về yêu cầu anh T trả tiền vốn vay 17.500.000 đồng, tiền lãi 5.112.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 07/7/2022 đến ngày 27/12/2023, tổng cộng 22.612.000.000 đồng. Xét thấy:

Căn cứ hợp đồng vay tiền và biên nhận tiền cùng đề ngày 07/4/2022 thể hiện anh T có vay của chị L số tiền 17.500.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ gốc đến ngày 07/4/2023.

Anh T trình bày trong số tiền vay 17.500.000 đồng ghi tại hợp đồng vay tiền và biên nhận tiền cùng đề ngày 07/4/2022 có 10.000.000 đồng là tiền gốc vay vào tháng 7, tháng 8 năm 2021, đã trả 03 tháng tiền lãi với số tiền là 4.500.000 đồng thông qua chuyển khoản và 01 lần trả trực tiếp cho chị L là 500.000 đồng, sau đó anh T không trả cho chị L 05 tháng tiền lãi tính đến ngày làm hợp đồng vay tiền và biên nhận tiền đề ngày 07/4/2022 là 7.500.000 đồng, tuy nhiên anh T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Về việc anh T yêu cầu giám định về thời gian chữ ký của anh T với chữ viết của chị L tại hợp đồng vay tiền và biên nhận đề ngày 07/4/2022 là không có cơ sở chấp nhận vì cơ quan giám định không giám định được thời điểm ký, viết trên tài liệu.

Về việc trả lãi, từ ngày làm hợp đồng vay tiền và biên nhận tiền đề ngày 07/4/2022 cho đến nay, anh T trình bày anh không trả cho chị L khoản tiền vốn và tiền lãi nào; đối với chị L trình bày anh T trả được số tiền là 500.000 đồng, việc chị L trình bày anh T có trả lãi là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Về lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng thể hiện các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng lãi suất thỏa thuận vượt quá mức quy định 20%/năm của khoản tiền vay nên lãi suất phải được xác định lại bằng 20%/năm (1,66%/tháng), tiền lãi còn phải trả như sau:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn từ ngày 07/4/2022 đến ngày 07/7/2022 là

871.500 đồng, đã trả được tiền lãi là 500.000 đồng nên còn nợ 271.500 đồng. Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn từ ngày 07/7/2022 đến ngày 07/4/2023 là 2.614.500 đồng. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 07/4/2023 đến ngày 27/12/2023 là 3.776.500 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 6.662.500 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và lãi còn nợ là 24.162.500 đồng.

Do đó, chị L yêu cầu anh T trả tiền vốn vay còn nợ là 17.500.000 đồng, tiền lãi là 5.112.000 đồng, tổng cộng 22.612.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L nên anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm a và điểm c khoản 2 Điều 5 và Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L.

Buộc anh Bùi Phước T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Mai L số tiền vay còn nợ là 22.612.000 đồng, trong đó tiền vốn là 17.500.000 đồng, tiền lãi là 5.112.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc anh Bùi Phước T chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.130.600 đồng.

Trả cho chị Nguyễn Thị Mai L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 539.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000375 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Thủy – Nguyễn Thị Diệu Hiền

Trần Xuân Nữ

